

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS- ST
Ngày 29-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Mai;

2- Bà Hà Thị Thoan.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên- tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2022/TLST-HS ngày 07-01-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02a/2022/QĐXXST-HS ngày 21-02-2022 và thông báo mở lại phiên toà số: 03/2022/TB-HS ngày 15-3-2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Ánh D, sinh ngày 08-7-1986 tại huyện S, tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn 2 , xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Hoàng Thị H và có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Lý Văn K, sinh ngày 02-8-1978 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn S và bà Lý Thị Đ; có Vợ là chị Bàn Thị T và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003; tiền án 01: Ngày 17-3-2017 bị Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”, đến thời điểm phạm tội ngày 23-4-2020 Lý Văn K chưa chấp hành xong hình phạt trên; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Lý Văn C, sinh ngày 20-8-1980 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn C và bà Bàn Thị M; có Vợ là chị Đặng Thị S và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Lý Văn S, sinh ngày 10-02-1986 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn C và bà Bàn Thị M; có Vợ là chị Bàn Thị H và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Vi Thị T, sinh ngày 06-9-1964 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 0/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn H và bà Nông Thị D; có chồng là Thạch Văn T và có 02 con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Đặng Văn N; tên gọi khác: Đặng Văn T, sinh ngày 26-6-1987 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P và bà Đặng Thị T; có Vợ là chị Trương Thị Đ và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 16-12-2021 đến ngày 07-01-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp Bảo Lãnh, có mặt.

7. Đặng Văn G, sinh ngày 04-4-1973 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B và bà Trương Thị T; có Vợ là Vi Thị M và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 16-12-2021 đến ngày 07-01-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp Bảo Lãnh, có mặt.

8. Nguyễn Văn D1, sinh ngày 25-10-1989 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Á và bà Triệu Thị N; có Vợ là chị Phạm Thị Ch và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Nguyễn Văn D2, sinh ngày 26-11-1992 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Âu và bà Triệu Thị N; có Vợ là chị

Hoàng Thu H và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Pờ Xì H, sinh ngày 12-12-1990 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Pa Dí; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Pờ Xì H và bà Lê Thị T; có vợ là chị Đinh Thị S và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 21-12-2021, có mặt.

11. Nguyễn Văn C, sinh ngày 04-4-1987 tại huyện H, tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị D; có Vợ là Lương Thị T và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Nguyễn Thị D; sinh ngày 18-5-1971 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T; có Chồng là anh Hoàng Văn T (đã ly hôn) và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Đặng Văn G, Đặng Văn N, Vi Thị T:* Ông Nguyễn Quốc L, ông Nguyễn Ngọc L, bà Đặng Thị B- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Hà Văn D, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24-4-2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái nhận được đơn trình báo phản ánh về việc các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc ngày 23-4-2020 tại nhà ở của Vi Thị T, địa chỉ thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định:

Khoảng 13 giờ, ngày 22-4-2020, Trần Ngọc K gọi điện cho Trần Ánh D và Lý Văn K rủ nhau tổ chức đánh bạc để kiếm lời. Sau khi bàn bạc, thống nhất K là người trực tiếp phụ trách việc tổ chức đánh bạc; D tìm người canh gác và thu phé; Lý Văn K tìm địa điểm để tổ chức đánh bạc, tìm người canh gác và trực tiếp làm

vị. Số tiền thu được từ việc đánh bạc sau khi trừ tiền canh gác, tiền nhà, K sẽ quản lý và phân chia lợi nhuận.

Thực hiện kế hoạch, khoảng 11 giờ ngày 23-4-2020, Trần Ánh D gọi điện cho K bảo tìm địa điểm. K bảo Lý Văn C đi tìm mượn địa điểm để đánh bạc. C đến gặp Vi Thị T hỏi mượn nhà đánh bạc, do cả nể nên Vi Thị T bảo C đánh thì đánh nếu bị bắt thì tự chịu, C về thông báo với K đã tìm được địa điểm. Khoảng 13 giờ cùng ngày, D đến nhà K, K thông báo đã tìm được chỗ đánh bạc là nhà Vi Thị T, D đi vào nhà Vi Thị T trước. Không thấy ai có nhà, D gọi điện cho K bảo các đối tượng là Hà Văn D, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D, Đặng Văn N và Pờ Xi H sang nhà Vi Thị T đánh bạc. Trần Ngọc K và Đặng Văn G đi vào sau. D, K bảo Lý Văn C và Lý Văn S canh gác cho mọi người đánh bạc, nếu có người lạ đi vào thì gọi điện báo cho D. C và S đồng ý. Tại nhà Vi Thị T, D bảo ai đi cắt quân để làm cái thì Đặng Văn N đi cắt quân làm bằng tre (một mặt màu trắng, một mặt màu đen) để làm cái và lấy bát đĩa ra chỗ chiếu trải ở trên nhà sàn, các đối tượng bắt đầu đánh bạc. Khi đánh bạc thì Lý Văn K làm vị, Đặng Văn N xóc cái cho các đối tượng đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Người cầm cái cho 04 quân tre vào một chiếc đĩa rồi dùng 01 chiếc bát úp lên chiếc đĩa rồi xóc, nếu kết quả mở bát có hai hoặc bốn quân đóm tre lật mặt cùng màu thì người đặt cửa chẵn thắng, ngược lại nếu khi mở bát có một hoặc ba quân lật mặt màu đen hoặc trắng thì người đặt cửa lẻ thắng. Cách đánh vị dùng 04 quân bài trong bộ tứ lơ khơ gồm 4 rô, 4 tép, 3 rô, 3 tép. Quy ước 4 rô, 3 rô tương đương quân đóm tre mặt màu trắng; 4 tép, 3 tép tương đương quân đóm tre mặt màu đen. Cả 4 quân tứ lơ khơ được rải trực tiếp lên chiếu bạc cho người đặt tiền trực tiếp lên quân bài. Nếu mở bát mà cả 4 quân đóm ngửa mặt màu trắng hoặc màu đen thì người đặt cược vị 4 rô hoặc 4 tép thắng; nếu mở bát mà có 03 quân đóm ngửa màu đen hoặc trắng thì người đặt cược vị 3 rô hoặc 3 tép thắng, đặt cửa vị khác là thua tiền cho nhà làm vị. Các đối tượng tham gia đánh bạc không quy định số tiền đặt cược thấp nhất và cao nhất là bao nhiêu, các đối tượng tự thỏa thuận cân bằng số tiền đặt cược cửa chẵn, cửa lẻ, số tiền đặt cược vị sau đó trả tiền thắng thua cho nhau.

Quá trình điều tra các đối tượng khai mang tiền đi theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng có người được, có người thua, số tiền luân chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác, cụ thể:

- Lý Văn K mang theo 1.000.000 đồng dùng vào đánh bạc. Khi đánh bạc Lý Văn K, Đặng Văn N, Nguyễn Văn D2 cùng góp mỗi người 1.000.000 đồng cho K làm vị. Sau khi đánh bạc trừ tiền gốc của ba người là 3.000.000 đồng thì tiền thắng được là 2.900.000 đồng, K với D2 được mỗi người được 1.000.000 đồng, còn N lấy 900.000 đồng, số tiền này K đã chi tiêu hết.

- Đặng Văn N mang 3.500.000 đồng dùng vào đánh bạc. Trong đó, N góp 1.000.000 đồng làm vị chung với K và D2; còn 2.500.000 đồng N góp chung với Đặng Văn G làm cái để cân tiền giữa hai bên cửa chẵn, lẻ. Sau khi đánh bạc, trừ

tiền gốc, N thắng được 900.000 đồng góp với K và được 1.800.000 đồng góp với G, số tiền này N đã chi tiêu hết.

- Đặng Văn G mang 2.500.000 đồng dùng vào đánh bạc. G góp chung với N số tiền này để làm cái cân tiền giữa hai bên cửa chắn, lẻ, tổng số tiền hai người góp là 5.000.000 đồng. Sau khi đánh bạc G và N thắng trừ tiền gốc mỗi người được 1.800.000 đồng, số tiền này G đã chi tiêu hết.

- Nguyễn Văn D2 mang 2.000.000 đồng dùng vào đánh bạc. Trong đó, 1.000.000 đồng D2 góp chung với K và N làm vị còn 1.000.000 đồng D2 dùng đặt cược nhưng thua hết. Sau khi đánh bạc D2 chỉ còn số tiền 1.000.000 đồng góp chung với K và N nhưng đã chi tiêu hết.

- Nguyễn Văn D1 mang 13.000.000 đồng dùng vào đánh bạc và thua hết.

- Nguyễn Thị D mang 2.000.000 đồng dùng vào đánh bạc và thua hết.

- Nguyễn Văn C mang 1.400.000 đồng dùng vào đánh bạc và thua hết.

- Pờ Xi H mang 9.800.000 đồng dùng vào đánh bạc và thua hết.

- Hà Văn D mang theo 350.000 đồng dùng vào đánh bạc và thua hết.

Tổng số tiền các đối tượng nêu trên dùng để đánh bạc với nhau là 35.550.000 đồng (*ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn*) đồng. Khi các đối tượng đánh bạc được một lúc thì K bảo D thu tiền phé. D thu tiền phé mỗi người 100.000 đồng, tiền làm bằng vị của K, D2, N, tiền xóc cái cân cửa chắn lẻ của N và G, tổng số tiền thu được là 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng. Số tiền này D trả cho C 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn*) đồng là tiền cho ba người canh gác gồm Lý Văn C, Lý Văn S và đối tượng có tên là S; trả cho L là người bán đồ uống cho các đối tượng đánh bạc là 250.000 đồng (*hai trăm năm mươi nghìn*) đồng; trả cho Vi Thị T 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng là tiền dọn dẹp nhà cửa. Còn lại 250.000 đồng (*hai trăm năm mươi nghìn*) đồng D đưa cho K. Số tiền này K, D, K chưa thống nhất phân chia.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài liệu:

- 01 bát sứ màu trắng loại bát ăn cơm; 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 04 quân vị bằng tre một mặt màu đen, một mặt màu thịt tre; 05 quân bài tứ lơ khơ gồm 02 lá bài số 3 (3 tép, 3 cơ), 02 lá bài số 4 (4 rô, 4 tép), 01 lá bài số 2 rô; 01 chiếu nhựa.

- Thu giữ của Vi Thị T tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau được niêm phong theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 204/KLGD ngày 11-8-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận: Toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng thu giữ của Vi Thị T gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-LY ngày 06-01-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố Trần Ánh D, Lý Văn K, Lý Văn

C, Lý Văn S về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Vi Thị T về tội “gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố Lý Văn K, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D, Pờ Xì H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa bị cáo Vi Thị T khai: Khoảng 12 giờ, ngày 23-4-2020 Lý Văn C có đến nhà bị cáo hỏi mượn nhà bị cáo để làm chỗ đánh bạc, do cả nê C là người cùng thôn nên bị cáo đã nói với C “Chơi thì chơi nếu bị bắt thì tự chịu”, sau đó bị cáo đi lên nương trồng cây, đến khoảng 16 giờ cùng ngày khi trở về nhà thì được Trần Ánh D đưa cho 300.000 đồng và nói tiền để dọn nhà.

Các bị cáo Trần Ánh D, Lý Văn K khai: Bị cáo Trần Ánh D có nhờ Lý Văn K đặt 50. 000 đồng vào cửa lẻ, sau đó đi ra ngoài nghe điện thoại; còn bị cáo K do không có tiền riêng, chỉ có tiền làm vị chung với các bị cáo khác nên không đặt hộ; bị cáo D khi đi vào biết ván đặt được đó phải đặt cửa chắn mới thắng nên cũng không hỏi lại bị cáo K về việc có đặt cược hộ bị cáo D hay không.

Các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn S, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Pờ Xì H, Nguyễn Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện vào ngày 23-4-2020 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T, Đặng Văn N, Đặng Văn G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xử tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Ánh D, Lý Văn K, Lý Văn C và Lý Văn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Vi Thị T phạm tội “gá bạc”, các bị cáo Lý Văn K, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D và Pờ Xì H phạm tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt:

+ Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, điểm t, điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Ánh D từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

+ Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lý Văn K 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Lý Văn K phải chịu

là từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lý Văn C từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

+ Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lý Văn S từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Vi Thị T từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đặng Văn N từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi 23 ngày tạm giam. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đặng Văn G từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi 23 ngày tạm giam. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn D1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn D2 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Pờ Xi H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giam là ngày 21-12-2021. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn C từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Thị D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về vật chứng và số tiền thu lời bất chính: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng thu giữ của bị cáo Vi Thị T được niêm phong trong 01 chiếc phong bì.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng loại bát ăn cơm; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre; 05 quân bài tú lơ khơ gồm lá bài 3 tép, 3 cơ, 4 rô, 4 tép, 2 rô; 01 chiếu nhựa và 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo cụ thể như sau: Lý Văn K 1.000.000 đồng; Đặng Văn N 2.700.000 đồng; Đặng Văn G 1.800.000 đồng; Lý Văn C 200.000 đồng; Lý Văn S 200.000 đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T, Đặng Văn N, Đặng Văn G phát biểu ý kiến: Đồng ý với quan điểm truy tố của đại diện Viện Kiểm sát; hành vi phạm tội của sáu bị cáo trên đã rõ ràng.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã đặc biệt khó khăn; Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T và Đặng Văn G không được đi học nên trình độ hiểu biết còn hạn chế. Ngoài Lý Văn K; năm bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có bị cáo con còn nhỏ.

- Tình tiết giảm nhẹ: Cả sáu bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo bị truy tố về tội gá bạc, đánh bạc đều là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Vi Thị T phạm tội là do cả nể, thiếu hiểu biết, bị cáo Lý Văn C và Lý Văn S giữ vai trò thứ yếu và có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật xử phạt Lý Văn K mức án thấp nhất là 01 năm tù về tội tổ chức đánh bạc và 06 tháng tù về tội đánh bạc, tổng hợp hình phạt bị cáo K phải chịu là 01 năm 06 tháng tù, xử phạt các bị cáo Đặng Văn N và Đặng Văn G 06 tháng tù và miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Các bị cáo còn lại gồm Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội; xử phạt tiền các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt với mục đích giáo dục, răn đe, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo, sửa chữa; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sở thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T, Đặng Văn N, Đặng Văn G nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Xét thấy các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T, Đặng Văn N, Đặng Văn G thuộc diện được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo này.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Xuất phát từ mục đích vụ lợi để thoả mãn nhu cầu cá nhân nên chiều ngày 23-4-2020 tại nhà bị cáo Vi Thị T thuộc thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái, Trần Ngọc K, Trần Ánh D, Lý Văn K, Lý Văn C và Lý Văn S đã có hành vi tổ chức cho Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D, Pờ Xi H, Hà Văn D, Lý Văn K đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 35.550.000 (*ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Hành vi của các bị cáo Trần Ánh D, Lý Văn K, Lý Văn C và Lý Văn S đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-LY ngày 06-01-2022 của VKSND huyện Lục Yên truy tố các bị cáo Trần Ánh D, Lý Văn K, Lý Văn C và Lý Văn S về tội “Tổ chức đánh bạc” với các tình tiết định khung “Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên” và “Phân công người canh gác khi đánh bạc” theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2] Về vai trò của các bị cáo:

Mặc dù các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nhau trong việc rủ rê, bố trí địa điểm, canh gác; tuy nhiên trong quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó Trần Ngọc K giữ vai trò chính, là người khởi xướng và quản lý việc đánh bạc, tuy nhiên hiện tại K đang bị bệnh nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can này. Theo sự chỉ đạo của K, Trần Ánh D có nhiệm vụ tìm người canh gác và thu phé; Lý Văn K là người tìm địa điểm, tìm người canh gác và trực tiếp làm vị nên hai bị cáo này có vai trò sau Trần Ngọc K. Lý Văn C trực tiếp hỏi mượn địa điểm và cùng Lý Văn S là người canh gác nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[3] Đối với bị cáo phạm tội gá bạc:

Ngày 23-4-2020 bị cáo Vi Thị T đã cho bị cáo Lý Văn C cùng đồng phạm mượn nhà ở của mình tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái thuộc quyền sở hữu

của bị cáo, để Trần Ngọc K tổ chức cho các đối tượng đánh bạc, với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 35.550.000 đồng. Bị cáo Vi Thị T đã được trả công 300.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Vi Thị T đã phạm vào tội “gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-LY ngày 06-01-2022 của VKSND huyện Lục Yên truy tố bị cáo Vi Thị T về tội “gá bạc” với tình tiết định khung “Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc

[4.1] Về hành phạm tội:

Ngày 23-4-2020 tại nhà bị cáo Vi Thị T thuộc thôn N xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái các bị cáo Lý Văn K, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D và Pờ Xi H, Hà Văn D đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 35.550.000 đồng.

Hành vi phạm đánh bạc của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên truy tố các bị cáo Lý Văn K, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D và Pờ Xi H về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4.2] Về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo người đến trước, người đến sau, nhiều người không quen biết nhau cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên đều là người thực hành, tiếp nhận ý chí của nhau qua Trần Ngọc K và đồng phạm tổ chức cho các bị cáo đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc không có sự bàn bạc thống nhất với nhau từ trước nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào số tiền cụ thể của từng bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, không phân định vai trò của từng bị cáo trong vụ đồng phạm đánh bạc, để đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là một trong những căn cứ quyết định hình phạt cho tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong đó bị cáo đánh bạc nhiều nhất là 13.000.000 đồng, ít nhất là 350.000 đồng như sau: Bị cáo Nguyễn Văn D1 sử dụng 13.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Pờ Xi H sử dụng 9.800.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Đặng Văn N sử dụng 3.500.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Đặng Văn G sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn D2, Nguyễn Thị D sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn C sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Lý Văn K sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, Hà Văn D sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc.

[5] Xét về nhân thân:

- Lý Văn K đã có tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà tiếp tục có hành vi phạm tội nên cần xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

- Đối với các bị cáo: Pờ Xì H trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú đã tiếp tục phạm tội mới và bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Đặng Văn N, Đặng Văn G trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc và bị UBND xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, số tiền phạt là 1.500.000 đồng. Điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém, coi thường pháp luật.

- Các bị cáo: Trần Ánh D, Lý Văn C, Lý Văn S, Vi Thị T, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D là người lao động chưa có tiền án, tiền sự nên cần xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên cả mười hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Hành vi đánh bạc của các bị cáo Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D và Pờ Xì H là phạm tội lần đầu và trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Sau khi bị phát hiện bị cáo Trần Ánh D đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án đồng thời đã lập công chuộc tội bằng việc cung cấp thông tin có giá trị phục vụ cho việc phát hiện và bắt giữ đối tượng truy nã Hà Văn D. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t, điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2 có ông nội được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Pờ Xì H có ông nội được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba; bị cáo Trần Ánh D có bố là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, mẹ được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì. Bốn bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lý Văn K có 01 tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” chưa được xoá án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý công cộng được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[7.1] Đối với các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Lý Văn K là người có nhân thân xấu, phạm nhiều tội do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như Viện kiểm sát đề nghị mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo Trần Ánh D, Lý Văn C, Lý Văn S là người có nhân thân tốt; bị cáo Trần Ánh D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và người bào chữa, không cần thiết phải ly các bị cáo D, C, S ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng có đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người lao động nhất thời phạm tội.

[7.2] Đối với bị cáo phạm tội gá bạc: Bị cáo phạm tội do cả nể, là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và người bào chữa, không cần thiết phải cách ly bị cáo Vi Thị T ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng có thể giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người lao động nhất thời phạm tội.

[7.3] Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Lý Văn K là người có nhân thân xấu, ngoài hành vi tổ chức đánh bạc bị cáo còn tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bằng vị cùng với Đặng Văn N, Nguyễn Văn D2. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như Viện kiểm sát đề nghị mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Pờ Xi H, Đặng Văn N, Đặng Văn G trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú không chịu tu dưỡng mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo Pờ Xi H bị Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Đặng Văn G, Đặng Văn N bị UBND xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép. Điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém, coi thường pháp luật. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Do các bị cáo hoàn cảnh kinh tế

khó khăn, là lao động tự do thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Đối với các bị cáo: Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ điều kiện để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người lao động nhất thời phạm tội.

[8] Các đối tượng và hành vi có liên quan:

Đối với Trần Ngọc K là người tổ chức đánh bạc, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can đối với K về tội “tổ chức đánh bạc”; kết quả điều tra chưa có đủ căn cứ xác định ngoài hành vi “Tổ chức đánh bạc” thì K có tham gia đánh bạc hay không để xử lý theo quy định, Trần Ngọc K hiện bị liệt nửa người phải do nhồi máu não diện rộng vùng cấp động mạch não giữa trái, điều trị tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108 Hà Nội. Ngày 28-10-2020 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Trần Ngọc K chưa có kết quả.

- Đối với Hà Văn D đã có hành vi tham gia đánh bạc, ngày 03-02-2021 Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc.

- Với đối tượng tên S là người canh gác cho việc đánh bạc, tuy nhiên S hiện không có mặt tại địa phương; vì vậy, không có đủ căn cứ để xem xét đối với hành vi của S theo quy định. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh hành vi của S để xem xét xử lý sau.

- Đối với người phụ nữ tên L bán nước trong xóir bạc. Kết quả điều tra xác định L không liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc, gá bạc, đánh bạc nên không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với Trần Ánh D quá trình điều tra lại và tại phiên toà xác định: Trần Ánh D nhờ Lý Văn K đặt hộ 50.000 đồng vào cửa lẻ rồi đi ra ngoài nghe điện thoại; K do không có tiền riêng chỉ có tiền làm vị chung với các bị cáo khác nên không đặt cho D; bị cáo D sau nghe điện thoại xong đi vào và biết ván đó đặt của lẻ là thua nên cùng không hỏi K về việc có đặt hộ hay không. Do đó, không có đủ căn cứ để xử lý Trần Ánh D về tội “Đánh bạc”.

[9] Về vật chứng của vụ án và số tiền thu lợi bất chính:

- Đối với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Vi Thị T, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Các vật chứng còn lại gồm: 01 bát sứ màu trắng loại bát ăn cơm; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre; 05 quân bài tú lơ khơ gồm lá bài 3 tép, 3 cơ, 4 rô, 4 tép, 2 rô; 01 chiếu nhựa. Đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, xét thấy đây là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính: Kết quả điều tra xác định sau khi đánh bạc Lý Văn K thắng 1.000.000 đồng; Đặng Văn N thắng 2.700.000 đồng; Đặng Văn G thắng 1.800.000 đồng; Lý Văn C, Lý Văn S mỗi người được Dương trả tiền công là 200.000 đồng; các bị cáo đều khai đã sử dụng hết cho cá nhân. Xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

[10.1] Về án phí:

- Các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Vi Thị Thín là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái là xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Vi Thị T.

- Đối với các bị cáo Trần Ánh D, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Pờ Xì H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D, bị kết án, phải chịu hình phạt và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

[10.2] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố:

Các bị cáo Trần Ánh D, Lý Văn K, Lý Văn C và Lý Văn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Bị cáo Vi Thị T phạm tội “gá bạc”;

Các bị cáo Lý Văn K, Đặng Văn N, Đặng Văn G, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Pờ Xì H, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, điểm t, điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Ánh D 65.000.000 (sáu mươi năm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn K 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn K 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Lý Văn K phải chịu là 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn C 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lý Văn S 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Thị T 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi 23 ngày tạm giam.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn G 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi 23 ngày tạm giam.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D1 25.000.000 (hai mươi năm triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D2 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Pờ Xi H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, là ngày 21-12-2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án và số tiền thu lợi bất chính:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Vi Thị T được niêm phong trong 01 chiếc phong bì.

- Tịch thu và tiêu huỷ: 01 bát sứ màu trắng loại bát ăn cơm; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre; 05 quân bài tú lơ khơ gồm lá bài 3 tép, 3 cơ, 4 rô, 4 tép, 2 rô; 01 chiếu nhựa và 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong.

(Phong bì niêm phong tiền và các vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo cụ thể như sau: Lý Văn K 1.000.000 đồng; Đặng Văn N 2.700.000 đồng; Đặng Văn G 1.800.000 đồng; Lý Văn C 200.000 đồng; Lý Văn S 200.000 đồng.

4. Về án phí:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn C, Lý Văn S, Đặng Văn G, Đặng Văn N, Vi Thị T.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Ánh D, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D và Pờ Xi H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Công an huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS, TA, THA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Nguyễn Văn Lên

